



dāi zi
呆子

noun · fool; simpleton

Example Sentences

Bié jiào tā dāi zi zhè yàng bù lǐ mào.
别叫他呆子，这样不礼貌。

Don't call him a fool; that's impolite.

Nà ge dāi zi yòu bǎ yào shì wàng zài jiā lǐ le.
那个呆子又把钥匙忘在家里了。

That fool forgot his keys at home again.

Trace each character, then write the word on your own.

呆	呆	呆	呆	呆	呆	呆	呆	呆	呆
子	子	子	子	子	子				